



Original Article

Religious Issues in Digital Spaces through the Official Media of Buddhist and Catholic Institutions in Vietnam: Interpretive Framing and Policy Implications

Hoang Thu Huong¹, Bui Phuong Thanh^{2,*}

¹*Faculty of Sociology and Social Work, VNU University of Social Sciences and Humanities,
336 Nguyen Trai, Thanh Xuan, Hanoi, Vietnam*

²*Institute for Cadre Training and Scientific Research, 4 Duong Khue, Tu Liem, Hanoi, Vietnam*

Received 26th June 2026

Revised 11th August 2026; Accepted 10th September 2026

Abstract: This article analyzes how the official media of Buddhist and Catholic institutions in Vietnam identify and frame religious issues in digital spaces, while examining these issues against the current legal framework and recently adopted documents. Based on qualitative content analysis of 83 items published by the Vietnam Buddhist Sangha (VBS) and the Catholic Bishops' Conference of Vietnam (CBCV) from January 2020 to May 2026, combined with legal document analysis, the study identifies two distinct framing logics. In the sample, VBS items mainly follow an incident-response logic, emphasizing impersonation, fraudulent donation appeals, exploitation of religious trust, and responses to cases involving clerical conduct. CBCV items more often follow a norm-setting and guidance-oriented logic, emphasizing the discernment of misinformation, ethical online presence, and norms for digital communication. This difference is interpreted in relation to organizational structures and communication practices, rather than as evidence of the prevalence of problems in either religion. Legal analysis shows that these issues can be addressed under Vietnamese law on belief and religion, cybersecurity, administrative sanctions, criminal law, and personal data protection, but the relevant provisions remain indirect and dispersed. The article identifies three policy gaps: authenticating religious authority online, responding promptly to rapidly circulating content, and coordinating among state agencies, religious organizations, and digital platforms. It accordingly proposes authentication of official religious identities and channels, risk-based early-response mechanisms, and a multi-stakeholder coordination framework.

Keywords: Digital religion; online religious governance; institutional framing; Buddhism; Catholicism.

* Corresponding author.

E-mail address: thanhxhh26@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1116/vnupam.4661>

Các vấn đề tôn giáo trong không gian số qua truyền thông chính thức của các thiết chế Phật giáo và Công giáo ở Việt Nam: Khung diễn giải và hàm ý chính sách

Hoàng Thu Hương¹, Bùi Phương Thanh^{2,*}

¹*Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội,
336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam*

²*Viện Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và Nghiên cứu khoa học, 4 Dương Khuê, Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 26 tháng 6 năm 2026

Chỉnh sửa ngày 11 tháng 8 năm 2026; Chấp nhận đăng ngày 10 tháng 9 năm 2026

Tóm tắt: Bài viết phân tích cách truyền thông chính thức của các thiết chế Phật giáo và Công giáo ở Việt Nam nhận diện, khung hóa các vấn đề tôn giáo trong không gian số, đồng thời đối chiếu các vấn đề này với khung pháp luật hiện hành và các văn bản mới được ban hành. Dựa trên phân tích nội dung định tính 83 tin bài của Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) và Hội đồng Giám mục Việt Nam (HĐGMVN) từ tháng 01/2020 đến tháng 05/2026, kết hợp với phân tích văn bản pháp lý, nghiên cứu xác định hai logic khung hóa khác biệt. Trong mẫu khảo sát, các tin bài của GHPGVN chủ yếu theo logic sự cố - phản ứng, nhấn mạnh mạo danh, kêu gọi quyền góp giả, trục lợi niềm tin tôn giáo và phản hồi các vụ việc liên quan đến chuẩn mực của tu sĩ. Các tin bài của HĐGMVN thiên về logic chuẩn mực - định hướng, nhấn mạnh phân định thông tin sai lệch, hiện diện có trách nhiệm trên mạng và hình thành chuẩn mực ứng xử trong truyền thông số. Sự khác biệt này được lý giải trong mối liên hệ với cơ cấu tổ chức và thực hành truyền thông, không dùng để suy luận về mức độ phổ biến của vấn đề trong mỗi tôn giáo. Đối chiếu pháp lý cho thấy các vấn đề trên có căn cứ điều chỉnh trong pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo, an ninh mạng, xử phạt hành chính, hình sự và bảo vệ dữ liệu cá nhân, nhưng các quy định còn gián tiếp và phân tán. Bài viết chỉ ra ba khoảng trống chính sách: xác thực thẩm quyền tôn giáo trực tuyến, phản ứng kịp thời trước nội dung lan truyền nhanh và phối hợp giữa cơ quan nhà nước, tổ chức tôn giáo với nền tảng số. Từ đó, bài viết đề xuất xác thực danh tính và kênh thông tin tôn giáo chính thức, thiết lập cơ chế phản ứng sớm theo mức độ rủi ro và xây dựng khung phối hợp đa chủ thể.

Từ khóa: Tôn giáo số; quản trị tôn giáo trực tuyến; khung diễn giải; Phật giáo; Công giáo.

1. Mở đầu

Đến cuối năm 2025, Việt Nam có khoảng 85,6 triệu người dùng internet (84,2% dân số) và 79,0 triệu tài khoản mạng xã hội [1]. Cùng với sự phổ biến của các thực hành như “chùa online”, cầu nguyện và nghi lễ trực tuyến [2, 3],

GHPGVN định hướng xây dựng “giáo hội số” [4], còn HĐGMVN nhấn mạnh việc phân định thông tin và hiện diện có trách nhiệm trên mạng xã hội [5]. Quá trình này đồng thời làm gia tăng nguy cơ mạo danh, lợi dụng niềm tin tôn giáo để trục lợi, lan truyền thông tin sai lệch và nội dung

* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: thanhxhh26@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1116/vnupam.4661>

gây tổn hại đến cá nhân, cộng đồng hoặc uy tín của tổ chức tôn giáo [3, 6, 7].

Các nghiên cứu gần đây chủ yếu tiếp cận tôn giáo trong không gian số từ góc độ pháp lý, lịch sử hoặc quản lý nhà nước, qua đó chỉ ra những hạn chế về tính đồng bộ của pháp luật, năng lực thực thi và khả năng thích ứng với công nghệ [3, 6, 8]. Tuy nhiên, còn ít nghiên cứu phân tích cách các tổ chức tôn giáo tự nhận diện, diễn giải và khung hóa rủi ro trên kênh truyền thông chính thức, cũng như đối chiếu các khung diễn giải này với khả năng điều chỉnh của pháp luật. Khoảng trống đó có ý nghĩa vì truyền thông chính thức vừa phản ánh sự kiện, vừa thể hiện cách thiết chế tôn giáo bảo vệ thẩm quyền và định hướng hành vi.

Trên cơ sở đó, bài viết phân tích các tin bài về vấn đề tôn giáo trong không gian số trên kênh truyền thông chính thức của GHPGVN và HĐGMVN nhằm trả lời ba câu hỏi: i) Các kênh này nhận diện và khung hóa những nhóm vấn đề nào?; ii) Các vấn đề đó được pháp luật Việt Nam điều chỉnh như thế nào?; iii) Khoảng cách nào giữa khung pháp lý và đặc điểm vận hành của tôn giáo trong không gian số gợi mở hàm ý chính sách cho Việt Nam?

Nghiên cứu bổ sung góc nhìn từ phía các thiết chế tôn giáo và cung cấp cơ sở thực tiễn cho thảo luận chính sách về quản trị tôn giáo trong không gian số. Trong bài viết, “không gian số” được dùng như thuật ngữ khung, bao quát cả thực hành “tôn giáo số” (digital religion) và “không gian mạng” theo cách dùng của pháp luật Việt Nam.

2. Nguồn tài liệu và phương pháp nghiên cứu

2.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu kết hợp phân tích nội dung định tính các tin, bài trên kênh truyền thông chính thức của GHPGVN và HĐGMVN với phân tích văn bản pháp lý. Mục tiêu là nhận diện cách các thiết chế tôn giáo kiến tạo vấn đề trong không gian số và đánh giá mức độ tương thích giữa các vấn đề đó với khung điều chỉnh hiện hành; nghiên cứu không nhằm suy rộng thống kê.

2.2. Nguồn dữ liệu, phạm vi và tiêu chí lựa chọn

Dữ liệu truyền thông gồm các tin, bài đăng từ tháng 01/2020 đến tháng 05/2026 trên Cổng thông tin Phật giáo thuộc GHPGVN (<https://phatgiao.org.vn/>) và Trang thông tin của HĐGMVN (<https://hdgmvietnam.com/>). Khoảng thời gian này bao quát giai đoạn thực hành tôn giáo trực tuyến phát triển mạnh từ bối cảnh COVID-19 đến thời điểm thu thập dữ liệu.

Tin bài được tìm kiếm có chủ đích theo từ khóa phù hợp với từng nguồn. Từ khóa ở nguồn Phật giáo gồm: kỷ luật, mạo danh, tu sĩ giả, phát ngôn sai lệch, trục lợi, hiện tượng mạng, livestream, mê tín; ở nguồn Công giáo gồm: mạo danh, giả danh, giả mạo, lừa đảo, tin giả, mạng xã hội, livestream.

Tin bài được chọn khi: i) Đăng trong thời gian khảo sát; ii) Đề cập trực tiếp đến ít nhất một vấn đề tôn giáo trong không gian số; và iii) Thể hiện quan điểm, phản ứng hoặc cách diễn giải của tổ chức tôn giáo. Nội dung trùng lặp được loại bỏ. Tập dữ liệu cuối cùng gồm 83 tin bài, trong đó có 61 tin bài từ nguồn Phật giáo và 22 tin bài từ nguồn Công giáo.

Nguồn dữ liệu pháp lý gồm Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo (TN-TG) 2016 [9]; Nghị định 95/2023/NĐ-CP [10]; Luật TN-TG 2026 (số 07/2026/QH16, hiệu lực từ 01/01/2027) [11]; Luật An ninh mạng (ANM) 2025 (số 116/2025/QH15, hiệu lực từ 01/7/2026) [12]; Nghị định 174/2026/NĐ-CP [13]; Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 [14]; và Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân 2025 [15]. Các văn bản được thu thập từ Cổng thông tin điện tử Chính phủ.

2.3. Khung mã hóa và quy trình phân tích

Tin bài được mã hóa quy nạp bằng phần mềm MAXQDA, với đơn vị mã hóa là đoạn trích; một tin bài có thể mang nhiều mã. Bốn nhóm mã gồm: i) Giả mạo danh tính và lừa đảo tài chính nhân danh tôn giáo; ii) Thông tin tôn giáo sai lệch, gồm tường thuật và hướng dẫn nhận diện, ứng phó; iii) Tu sĩ, chức sắc trong không gian số, gồm hành vi chưa phù hợp chuẩn

mực và hình ảnh chuẩn mực; và iv) Tấn công, xúc phạm tôn giáo từ bên ngoài.

Với văn bản pháp lý, đơn vị phân tích là các điều khoản liên quan đến những vấn đề được xác định từ dữ liệu truyền thông. Nghiên cứu cũng tham chiếu có chọn lọc văn bản của Trung Quốc và Singapore để hỗ trợ thảo luận chính sách ở cấp độ nguyên tắc, không nhằm so sánh pháp luật một cách hệ thống.

2.4. Giới hạn của nghiên cứu

Nghiên cứu có ba giới hạn: i) Dữ liệu từ kênh truyền thông chính thức phản ánh cách thiết chế tôn giáo nhận diện vấn đề, chưa bao quát toàn bộ thực tiễn trên mạng xã hội; ii) Số lượng tin bài của hai nguồn bất cân xứng, nên kết quả chỉ được dùng để phân tích logic khung hóa, không so sánh quy mô vấn đề; và iii) Việc liên hệ khác biệt khung hóa với cơ cấu tổ chức mang tính diễn giải, chưa phải kiểm định quan hệ nhân quả.

3. Cơ sở lý thuyết

Lý thuyết tôn giáo kết nối mạng (networked religion) của Campbell nhấn mạnh sự dịch chuyển thẩm quyền (shifting authority): trong không gian số, thẩm quyền tôn giáo chính thống phải tương tác và cạnh tranh sự chú ý với quản trị viên, blogger và người sáng tạo nội dung [16]. Đồng thời, ranh giới giữa thực hành trực tuyến và ngoại tuyến ngày càng mờ, khiến các quy định thiết kế cho không gian thực khó áp dụng nguyên vẹn vào môi trường số.

Lý thuyết truyền thông hóa tôn giáo (mediatization of religion) của Hjarvard xem nền tảng truyền thông là tác nhân định hình nội dung theo logic chú ý, tương tác và lan truyền [17-19]. Vì vậy, nội dung giàu cảm xúc, gây tranh luận hoặc liên quan đến tính chính thống và chuẩn mực tôn giáo có thể được khuếch đại mạnh hơn nội dung giáo lý chuyên sâu.

Cách tiếp cận của hai lý thuyết trên cho thấy quản lý tôn giáo trong không gian số đối mặt với những thách thức mang tính cấu trúc, nên không thể giải quyết đơn thuần bằng cách mở rộng việc

áp dụng các quy định được thiết kế cho tôn giáo truyền thống.

Lý thuyết khung hóa (framing) của Entman được dùng để phân tích cách tổ chức tôn giáo lựa chọn và làm nổi bật một số khía cạnh của thực tại nhằm xác định vấn đề, lý giải nguyên nhân, đánh giá đạo đức và đề xuất giải pháp [20]. Nghiên cứu cũng tham chiếu đến mô hình xây dựng khung (frame building) của Scheufele, theo đó, khung truyền thông chịu tác động của các yếu tố cá nhân, tổ chức và nguồn bên ngoài [21]. Nhờ đó, khác biệt giữa truyền thông Phật giáo và Công giáo được xem là sản phẩm của cấu trúc thể chế, quan hệ với nhà nước và chiến lược truyền thông riêng của mỗi tổ chức.

Đồng thời, nghiên cứu vận dụng khái niệm về khung chính sách (policy frame). Theo Dodge và Metze, chính sách không chỉ là phản ứng kỹ thuật trước vấn đề khách quan, mà còn là kết quả của quá trình kiến tạo ý nghĩa [22]. Vì vậy, các văn bản pháp lý trong nghiên cứu này được xem là biểu hiện của khung điều chỉnh (regulatory frame). Khoảng trống pháp lý không chỉ nằm ở thiếu điều khoản cụ thể, mà còn ở sự lệch pha giữa cách tổ chức tôn giáo kiến tạo vấn đề và cách pháp luật mã hóa vấn đề đó thành công cụ quản lý.

Quan điểm trên cũng tạo cơ sở để tham chiếu kinh nghiệm quốc tế, nhằm xem xét cách các hệ thống pháp lý khác nhau xây dựng khung điều chỉnh cho các vấn đề tương đồng.

Từ các cơ sở trên, nghiên cứu phân tích ba tầng khung: khung kiến tạo vấn đề của tổ chức tôn giáo, khung điều chỉnh hiện hành của Việt Nam và khung tham chiếu quốc tế, nhằm đề xuất khuyến nghị phù hợp với bối cảnh Việt Nam.

4. Kết quả

4.1. Nhận diện và khung hóa các vấn đề tôn giáo trong không gian số của Phật giáo và Công giáo Việt Nam

Trong mẫu khảo sát, nhóm vấn đề nổi bật nhất là giả mạo danh tính và lừa đảo, trục lợi nhân danh tôn giáo (39 lượt, đều từ nguồn Phật giáo). Hai phạm trù này thường xuất hiện cùng

nhau khi chức sắc hoặc cơ sở tự viện bị mạo danh để kêu gọi quyên góp, bán thuốc hoặc vật phẩm. Khung diễn giải của các tin bài GHPGVN nhấn mạnh bảo vệ người tiếp nhận thông tin khỏi bị lợi dụng niềm tin tôn giáo và bảo vệ uy tín của tổ chức. Nhóm nội dung này không xuất hiện trong 22 tin bài HĐGMVN thuộc mẫu khảo sát; kết quả đó không đồng nghĩa hiện tượng không tồn tại trong thực tiễn Công giáo.

Thông tin tôn giáo sai lệch xuất hiện ở cả hai nguồn nhưng được xử lý theo những cách khác nhau. Nguồn Phật giáo có 4 lượt tin bài về các sự cố cụ thể như phát ngôn của tu sĩ bị cắt ghép, thông tin sai về giáo lý hoặc tin bịa đặt về tổ chức. Nguồn Công giáo có 8 lượt thông báo về tin giả, sai lệch và 6 lượt hướng dẫn nhận diện, ứng phó, bao gồm hình ảnh hoặc video giả mạo bằng AI. Trong phạm vi mẫu khảo sát, khác biệt này phù hợp với hai cơ chế truyền thông: kênh của GHPGVN thường phản ứng trước vụ việc cụ thể, còn kênh của HĐGMVN nhấn mạnh hướng dẫn chung và năng lực phân định thông tin.

Về hình ảnh tu sĩ, chức sắc trong không gian số, nguồn Phật giáo chủ yếu đề cập các trường hợp hành vi bị xem là chưa phù hợp chuẩn mực hoặc có sai phạm (15 lượt), trong khi nguồn Công giáo tập trung vào hình ảnh chuẩn mực và định hướng hành vi (7 lượt). Kết quả này có thể liên quan đến khác biệt tổ chức: cơ cấu phẩm trật của Công giáo thuận lợi cho việc phổ biến hướng dẫn tương đối thống nhất, còn cấu trúc hợp nhất nhiều hệ phái và mạng lưới tự viện của GHPGVN làm nổi bật nhu cầu phản hồi các vụ việc cụ thể. Đây là diễn giải dựa trên dữ liệu truyền thông, không phải quan hệ nhân quả đã được kiểm định.

Nhóm tấn công, xúc phạm tôn giáo từ bên ngoài xuất hiện ở cả hai nguồn nhưng số lượng ít hơn. Sự khác biệt về tần suất phản ánh và chiến lược phản hồi công khai đối với các vấn đề tôn giáo trong không gian số giữa hai tổ chức tôn giáo chưa đủ căn cứ để kết luận về quy mô thực tế của các vấn đề này trong mỗi tôn giáo.

Tóm lại, trong mẫu khảo sát, các tin bài của GHPGVN chủ yếu thể hiện logic sự cố - phản ứng, ưu tiên tường thuật và xử lý các vụ việc như mạo danh, lừa đảo, trục lợi và kỷ luật nội bộ. Các

tin bài của HĐGMVN thể hiện nhiều hơn logic chuẩn mực - định hướng, chú trọng hướng dẫn phân định thông tin và hành vi trên môi trường số. Sự khác biệt phản ánh ưu tiên truyền thông và có thể liên quan đến cơ chế tổ chức; kết quả không cho phép suy luận về quy mô vấn đề, mức độ tuân thủ hoặc đặc điểm chung của tin đồ hai tôn giáo.

Bảng 1. Nhận diện các nhóm vấn đề tôn giáo trong không gian số qua diễn ngôn của GHPGVN và HĐGMVN giai đoạn 2020 – 2026

Thứ tự	Nhóm vấn đề	Phật giáo	Công giáo
1	Giả mạo danh tính và lừa đảo nhân danh tôn giáo.	39	-
2	Thông tin tôn giáo sai lệch		
	Thông báo về tin giả/sai lệch tôn giáo.	4	8
	Hướng dẫn nhận diện/ứng phó với tin giả.	-	6
3	Tu sĩ, chức sắc tôn giáo trong không gian số		
	Có hành vi sai lệch chuẩn mực/sai phạm.	15	-
	Hình ảnh chuẩn mực.	1	7
4	Tấn công, xúc phạm tôn giáo từ bên ngoài.	5	1

Ghi chú: Bảng 1 là số lượt tin bài theo nhóm mã, không phải tổng số tin bài độc lập.

4.2. Mức độ điều chỉnh các vấn đề tôn giáo trong không gian mạng của pháp luật Việt Nam

Trong bốn nhóm vấn đề được nhận diện, hành vi của tu sĩ, chức sắc có bản chất khác với ba nhóm còn lại vì thuộc phạm vi giáo lý, kỷ luật và tự quản nội bộ. GHPGVN đã ban hành Thông tư số 206/2020/TT-HĐTS ngày 19/9/2020 [23], quy định tám hành vi không được thực hiện khi Tăng Ni sử dụng không gian mạng; một số hành vi trùng với pháp luật nhà nước, số khác thuộc kỷ luật nội bộ. HĐGMVN chủ yếu tiếp cận qua văn kiện mục vụ “Hướng tới sự hiện diện trọn đầy” của Bộ Truyền thông Tòa Thánh năm 2023 [24], nhấn mạnh định hướng đạo đức và truyền thông. Trong dữ liệu khảo sát, hai phương thức tự quản được thể hiện khác nhau: nguồn GHPGVN nhấn mạnh quy tắc kỷ luật và phản hồi

vụ việc, còn nguồn HĐGMVN nhấn mạnh hướng dẫn và phòng ngừa. Đây không phải sự đối lập tuyệt đối, vì cả hai thiết chế đều kết hợp quy phạm nội bộ, giáo huấn và truyền thông định hướng.

Nhóm vấn đề “giả mạo danh tính và lừa đảo nhân danh tôn giáo” được các tổ chức tôn giáo khung hóa chung, nhưng đối chiếu với khung pháp lý thì đây là hai phạm trù khác nhau: giả mạo danh tính cá nhân/tổ chức tôn giáo và lừa đảo, trục lợi nhân danh tôn giáo. Do vậy, khi xem xét mức độ điều chỉnh các vấn đề tôn giáo trong không gian mạng của pháp luật Việt Nam, nghiên cứu này sẽ loại nhóm vấn đề về hành vi lệch chuẩn của tu sĩ, tách nhóm vấn đề giả mạo danh tính và lừa đảo nhân danh tôn giáo thành 2

vấn đề. Như vậy, Bảng 2 sẽ cung cấp sự đối chiếu giữa bốn phạm trù pháp lý trọng tâm với các khung liên quan: quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo; an ninh mạng và trật tự thông tin; bảo vệ dữ liệu cá nhân; và hình sự.

Bảng 2 cho thấy các vấn đề tôn giáo trong không gian số được các tổ chức tôn giáo nhận diện đều có căn cứ pháp lý nhất định để xử lý, nhưng các căn cứ này phân bố ở nhiều ngành luật khác nhau. Điều này cho thấy khung pháp lý đã có sự điều chỉnh đối với các vấn đề tôn giáo trên không gian mạng, song mức độ điều chỉnh còn phân tán và chưa hình thành cơ chế chuyên biệt cho tôn giáo số.

Bảng 2. Khung pháp lý điều chỉnh các nhóm vấn đề tôn giáo trên không gian số

Nhóm vấn đề	Khung quản lý nhà nước về tôn giáo	Khung an ninh mạng/trật tự thông tin	Khung bảo vệ dữ liệu cá nhân	Khung hình sự
(1) Giả mạo danh tính cá nhân, tổ chức tôn giáo	Điều 8 khoản 1 Luật TN-TG 2026 [11] quy định chủ thể thông báo, đăng ký hoặc đề nghị hoạt động TN-TG trên không gian mạng; là cơ sở cho việc xác định cá nhân, tổ chức tôn giáo bị giả mạo.	Điều 7 khoản 2 điểm e, g; Điều 13 khoản 3 điểm c, h và khoản 4 điểm a, d của Luật ANM 2025 [12] điều chỉnh hành vi giả mạo, mạo danh, sử dụng công nghệ để giả mạo thông tin, hình ảnh, giọng nói. Điều 90, 91, 93, 95 Nghị định 174/2026/NĐ-CP [13] là căn cứ để xử phạt hành chính tùy theo hành vi cụ thể.	Điều 7 khoản 5 Luật BVDLCN 2025 [15] cấm việc sử dụng dữ liệu cá nhân của người khác để thực hiện hành vi trái pháp luật.	Không có tội danh riêng cho “giả mạo danh tính tôn giáo”; chỉ áp dụng gián tiếp nếu hành vi đủ dấu hiệu của tội khác như lừa đảo, vu khống hoặc xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.
(2) Lừa đảo, trục lợi nhân danh tôn giáo	Điều 5 khoản 5 Luật TN-TG 2016 [9] và Điều 7 khoản 5 Luật TN-TG 2026 [11] cấm lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để trục lợi; Điều 7 khoản 6 Luật TN-TG 2026 [11] cấm sử dụng không gian mạng, trí tuệ nhân tạo hoặc công nghệ để vi phạm pháp luật về TN-TG.	Điều 7 khoản 2 điểm đ Luật ANM 2025 [12] cấm lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên không gian mạng; Điều 13 khoản 4 điểm c Luật ANM 2025 [12] điều chỉnh hành vi chiếm đoạt tài sản bằng công nghệ thông tin, phương tiện điện tử. Nghị định 174/2026/NĐ-CP [13] quy định về xử phạt hành chính trong trường hợp chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.	-	Điều 174 BLHS [14]: Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, áp dụng khi hành vi đủ dấu hiệu cấu thành tội phạm và đạt ngưỡng truy cứu trách nhiệm hình sự.
(3) Truyền tải thông tin tôn giáo sai lệch	Chưa có quy định chuyên biệt trong pháp luật TN-TG về “thông tin tôn giáo sai lệch”. Trường hợp sử dụng không gian	Điều 7 khoản 1 điểm b, c, d; Điều 13 khoản 3 điểm a, đ, e và khoản 4 điểm a của Luật ANM 2025 [12] có thể áp dụng đối với thông tin sai sự thật, xuyên tạc, xúc phạm hoặc gây thiệt	-	Điều 156 BLHS [14] về tội vu khống chỉ áp dụng khi có hành vi bịa đặt hoặc lan truyền điều biết rõ là sai sự thật và

	mạng, AI hoặc công nghệ để vi phạm pháp luật về TN-TG có thể được xem xét theo Điều 7 khoản 6 Luật TN-TG 2026 [11].	hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Nghị định 174/2026/NĐ-CP [13] quy định xử phạt hành chính đối với hành vi cung cấp/chia sẻ thông tin giả mạo, sai sự thật, xuyên tạc, xúc phạm.		đủ dấu hiệu cấu thành tội phạm.
(4) Xâm phạm, xúc phạm tôn giáo	Điều 5 khoản 1, 3 Luật TN-TG 2016 [9] và Điều 7 khoản 1, 3 Luật TN-TG 2026 [11] cấm phân biệt đối xử, kỳ thị và xúc phạm tín ngưỡng, tôn giáo; Điều 7 khoản 6 Luật TN-TG 2026 [11] áp dụng khi hành vi được thực hiện qua không gian mạng, AI hoặc công nghệ.	Điều 7 khoản 1 điểm b, c; Điều 13 khoản 2 điểm c và khoản 3 điểm d, đ Luật ANM 2025 [12] có thể áp dụng với nội dung xúc phạm tôn giáo, chia rẽ tôn giáo hoặc xâm phạm danh dự, uy tín, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Nghị định 174/2026/NĐ-CP [13] quy định xử phạt hành chính tùy hành vi cụ thể.	-	Điều 331 BLHS [14] có thể được xem xét khi hành vi lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Rà soát cho thấy khung an ninh mạng và trật tự thông tin có phạm vi bao phủ rộng nhất. Luật ANM 2025 nghiêm cấm đăng tải, phát tán thông tin xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; thông tin sai sự thật; lừa đảo chiếm đoạt tài sản; giả mạo danh tính bằng công nghệ mới, bao gồm trí tuệ nhân tạo (Điều 7 khoản 1 điểm b, c; khoản 2 điểm đ, e, g). Nghị định 174/2026/NĐ-CP quy định xử phạt hành chính đối với các hành vi giả mạo, mạo danh, cung cấp hoặc chia sẻ thông tin giả mạo, sai sự thật, xuyên tạc, xúc phạm tổ chức, cá nhân hoặc tôn giáo (Điều 91, 93, 95). Tuy nhiên, các quy định này tiếp cận vi phạm như một vấn đề thông tin và an ninh mạng nói chung, chưa làm rõ tính đặc thù của thông tin tôn giáo, nhất là ranh giới giữa tranh luận tôn giáo hợp pháp, sai lệch giáo lý, xuyên tạc và xúc phạm tôn giáo.

Khung quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo có tính chuyên ngành nhưng chưa bao phủ đồng đều. Luật TN-TG 2016 cấm lợi dụng hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo để trục lợi (Điều 5 khoản 5); Luật TN-TG 2026 kế thừa quy định này (Điều 7 khoản 5) và bổ sung hành vi sử dụng không gian mạng, trí tuệ nhân tạo hoặc công nghệ để vi phạm pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo (Điều 7 khoản 6). Đối với xúc phạm tôn giáo, Luật TN-TG 2016 quy định tại Điều 5

khoản 1 và khoản 3; Luật TN-TG 2026 quy định tương ứng tại Điều 7 khoản 1 và khoản 3. Tuy nhiên, việc giả mạo danh tính số và thông tin tôn giáo sai lệch chưa được thiết kế thành một nhóm hành vi riêng trong pháp luật về TN-TG.

Khung hình sự và bảo vệ dữ liệu cá nhân giữ vai trò bổ trợ, chỉ được áp dụng khi hành vi vi phạm đáp ứng các dấu hiệu pháp lý cụ thể. BLHS quy định tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại Điều 174; tội vu khống tại Điều 156; và tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân tại Điều 331. Các quy định này có thể được áp dụng đối với hành vi trục lợi, phát tán thông tin sai sự thật hoặc xúc phạm tôn giáo ở mức độ nghiêm trọng, nhưng đều là quy phạm chung, không được thiết kế riêng cho môi trường tôn giáo số. Đối với việc bảo vệ dữ liệu cá nhân, Luật BVDLCN 2025 cấm sử dụng dữ liệu cá nhân của người khác để thực hiện hành vi trái pháp luật (Điều 7 khoản 5). Quy định này có thể hỗ trợ xử lý hành vi giả mạo chức sắc hoặc tín đồ nếu có yếu tố thu thập, sử dụng trái phép dữ liệu cá nhân, nhưng không trực tiếp điều chỉnh nội dung sai lệch hoặc xúc phạm tôn giáo nếu không phát sinh yếu tố liên quan đến dữ liệu.

Từ các căn cứ trên, có thể nhận định rằng pháp luật Việt Nam có khả năng bao phủ tương

đối đối với các hành vi vi phạm liên quan đến tôn giáo trong không gian số, nhưng chủ yếu theo hướng gián tiếp và phân tán. Khung an ninh mạng xử lý vi phạm theo logic quản lý thông tin; khung tín ngưỡng, tôn giáo trực tiếp hơn với hành vi trực lợi và xúc phạm tôn giáo; còn khung hình sự và bảo vệ dữ liệu cá nhân chỉ được kích hoạt khi có hậu quả hoặc dấu hiệu pháp lý đặc thù. Khoảng trống chính sách thể hiện ở chỗ các quy định chưa được tích hợp thành một cơ chế quản trị chuyên biệt cho tôn giáo số.

4.3. Bàn luận về khoảng trống giữa khung pháp lý hiện hành và đặc điểm vận hành của tôn giáo số

Có thể thấy, khoảng trống của khung pháp lý hiện hành không nằm ở việc thiếu vắng quy định, mà ở mức độ tích hợp hạn chế giữa các ngành luật. Các hành vi như mạo danh, trục lợi, phát tán thông tin sai lệch hoặc xúc phạm tôn giáo đều có thể được xử lý theo một số căn cứ nhất định. Tuy nhiên, mỗi khung pháp lý vận hành theo logic riêng: luật TN-TG tập trung vào chủ thể và hoạt động hợp pháp; luật ANM tập trung vào hành vi thông tin và an toàn không gian mạng; luật hình sự và luật BVDLCN chỉ được kích hoạt khi có hậu quả hoặc dấu hiệu pháp lý cụ thể. Do vậy, khi đối chiếu với các vấn đề tôn giáo số, khung pháp lý hiện hành sẽ bộc lộ một số khoảng trống như sau:

Khoảng trống thứ nhất là việc xác thực thẩm quyền tôn giáo trong môi trường phi địa bàn. Theo lý thuyết tôn giáo kết nối mạng, thẩm quyền tôn giáo trên nền tảng số đang bị cạnh tranh bởi các tài khoản cá nhân, các nhóm trực tuyến và các chủ thể truyền thông không chính thức [16]. Từ đó cho thấy vấn đề cốt lõi không chỉ là lừa đảo hay tin giả nói chung, mà là khả năng nhận diện thẩm quyền tôn giáo chính thống trong môi trường số. Điều 8 Luật TN-TG 2026 tạo bước kết nối với hoạt động TN-TG trên không gian mạng, nhưng chưa hình thành cơ chế xác thực danh tính số đối với chức sắc, cơ sở thờ tự hoặc các kênh truyền thông chính thức.

Khoảng trống thứ hai là sự chênh lệch giữa tốc độ lan truyền nội dung và cơ chế xử lý hậu kiểm. Từ góc nhìn truyền thông hóa tôn giáo, nền

tảng số có thể tái định hình nội dung tôn giáo theo logic chú ý, tương tác và lan truyền [18]. Nội dung gây tranh cãi, xúc phạm hoặc đánh vào cảm xúc cộng đồng có thể lan nhanh hơn khả năng phản ứng của cơ quan quản lý hoặc của tổ chức tôn giáo. Vì vậy, vấn đề không chỉ là có chế tài hay không, mà còn là khả năng phát hiện, cảnh báo và xử lý kịp thời để giảm thiểu tổn hại đến uy tín của tổ chức tôn giáo, tài sản của tín đồ hoặc quan hệ liên tôn giáo.

Khoảng trống thứ ba là thiếu cơ chế phối hợp liên ngành và liên chủ thể. Một vụ việc tôn giáo trên không gian số thường đồng thời liên quan đến danh tính và thẩm quyền tôn giáo, thông tin sai lệch hoặc xúc phạm, thiệt hại về tài sản, dữ liệu cá nhân, trách nhiệm của nền tảng và tự quản của tổ chức tôn giáo. Do đó, chính sách không nên mở rộng kiểm soát đồng loạt, mà cần xây dựng khung quản trị có khả năng xác thực thẩm quyền, phân tầng rủi ro, xử lý nội dung theo nguyên tắc tương xứng và kết nối quản lý nhà nước với tự quản tôn giáo.

5. Hàm ý chính sách

5.1. Một số tham chiếu quốc tế

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy quản trị tôn giáo trong không gian số có thể được tiếp cận theo các trọng tâm khác nhau. Trung Quốc đại diện cho hướng quản lý dựa trên điều kiện cấp phép, thể hiện qua Biện pháp quản lý dịch vụ thông tin tôn giáo trên Internet, có hiệu lực từ năm 2022, và Quy tắc ứng xử trực tuyến dành cho chức sắc tôn giáo, ban hành năm 2025 [25,26]. Cách tiếp cận này nhấn mạnh việc xác định chủ thể được phép hoạt động, phạm vi nội dung được cung cấp và trách nhiệm của chức sắc tôn giáo khi hiện diện trên không gian mạng.

Singapore thể hiện một hướng tiếp cận khác, đặt trọng tâm vào bảo vệ hòa hợp tôn giáo và trách nhiệm tự điều chỉnh của các tổ chức tôn giáo, thể hiện qua Luật sửa đổi về duy trì hòa hợp tôn giáo năm 2019, có hiệu lực từ ngày 01/11/2022, và tài liệu chính sách “Duy trì hòa hợp chủng tộc và tôn giáo” của Bộ Nội vụ Singapore [27,28]. Luật sửa đổi mở rộng phạm

vi áp dụng đối với nội dung truyền tải qua Internet, đồng thời nhấn mạnh hợp tác với các tổ chức tôn giáo trong việc phòng ngừa và xử lý nội dung có nguy cơ gây tổn hại đến quan hệ tôn giáo.

Hai trường hợp trên gợi ý rằng quản trị tôn giáo số cần đồng thời quan tâm đến việc xác định thẩm quyền và trách nhiệm của chủ thể tôn giáo, phản ứng trước nội dung lan truyền nhanh, và phối hợp giữa nhà nước, tổ chức tôn giáo và nền tảng số.

5.2. Khuyến nghị cho Việt Nam

Từ kết quả phân tích và tham chiếu quốc tế, có thể rút ra 3 định hướng chính sách cho Việt Nam: xác thực thẩm quyền tôn giáo số, phản ứng trước tốc độ lan truyền của nội dung vi phạm và thiết lập cơ chế phối hợp liên ngành.

Thứ nhất, cần xây dựng cơ chế xác thực thẩm quyền tôn giáo trong môi trường số. Cơ chế này nên bao quát các tổ chức tôn giáo được công nhận, các cơ sở thờ tự, các chức sắc có thẩm quyền và các kênh thông tin hoặc tài khoản quyền góp chính thức. Mục tiêu không chỉ là xử lý mạo danh mà còn bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tín đồ, tổ chức tôn giáo và cộng đồng, giúp người dân phân biệt được nguồn thông tin đáng tin cậy khỏi các hình thức trục lợi hoặc thao túng niềm tin tôn giáo.

Thứ hai, cần thiết lập cơ chế phản ứng sớm và phân tầng rủi ro đối với nội dung tôn giáo trên không gian số. Nội dung có nguy cơ gây thiệt hại trực tiếp về tài sản, danh dự, an toàn cộng đồng hoặc quan hệ liên tôn giáo cần được cảnh báo và xử lý kịp thời. Ngược lại, các trường hợp sai lệch do thiếu hiểu biết, khác biệt trong diễn giải hoặc ứng xử chưa chuẩn mực nên ưu tiên giải thích, cải chính, khuyến nghị và tự điều chỉnh trước khi áp dụng chế tài nghiêm ngặt. Cách tiếp cận này bảo đảm tính tương xứng và hạn chế nguy cơ đồng nhất hóa mọi khác biệt giữa diễn giải tôn giáo và hành vi vi phạm pháp luật.

Thứ ba, cần hình thành cơ chế phối hợp liên ngành và liên chủ thể trong quản trị tôn giáo số. Quy trình phối hợp nên làm rõ vai trò của cơ quan quản lý tôn giáo, cơ quan quản lý thông tin truyền thông, cơ quan bảo vệ an ninh mạng, tổ

chức tôn giáo và nền tảng số trong việc tiếp nhận cảnh báo, xác minh nguồn thông tin, đánh giá rủi ro và xử lý nội dung vi phạm. Nhà nước thiết lập nguyên tắc và điều phối; tổ chức tôn giáo cung cấp căn cứ chuyên môn, thực hiện tự quản và hướng dẫn tín đồ; nền tảng số thực hiện trách nhiệm kỹ thuật trong tiếp nhận, đánh dấu, hạn chế lan truyền hoặc gỡ bỏ nội dung vi phạm theo quy định của pháp luật.

Nhìn chung, các khuyến nghị hướng tới mô hình quản trị tôn giáo số dựa trên 3 nguyên tắc: xác thực thẩm quyền, phản ứng tương xứng và phối hợp đa chủ thể. Cách tiếp cận này góp phần bảo vệ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo trong môi trường số, đồng thời giảm thiểu rủi ro do mạo danh, trục lợi, thông tin sai lệch và nội dung gây hại cho cộng đồng tôn giáo.

6. Kết luận

Bài viết đã phân tích các vấn đề tôn giáo trong không gian số qua truyền thông chính thức của Phật giáo và Công giáo Việt Nam, đồng thời đối chiếu các vấn đề này với khung pháp luật hiện hành. Kết quả cho thấy hai tổ chức tôn giáo cùng quan tâm đến rủi ro thông tin, hình ảnh chức sắc/tín hữu trên nền tảng số và nội dung xúc phạm tôn giáo, nhưng có ưu tiên truyền thông khác nhau. GHPGVN thiên về phản ứng trước các sự cố cụ thể, nhất là mạo danh và trục lợi nhân danh tôn giáo; HĐGMVN nhấn mạnh định hướng chuẩn mực, năng lực đánh giá thông tin và trách nhiệm hiện diện của cá nhân trong môi trường số.

Đối chiếu với khung pháp lý cho thấy các nhóm vấn đề nêu trên không nằm ngoài phạm vi điều chỉnh, nhưng chủ yếu được xử lý thông qua các quy định chung, gián tiếp và phân tán ở nhiều lĩnh vực như TN-TG, ANM, hình sự, xử phạt hành chính và BVDLCN. Luật TN-TG 2026 và Luật ANM 2025 tạo thêm cơ sở điều chỉnh hoạt động tôn giáo trực tuyến, nhưng chưa hình thành khung quản trị thống nhất cho tôn giáo số, nhất là về xác thực thẩm quyền tôn giáo, xử lý mạo danh, phân biệt thông tin sai lệch với diễn giải tôn giáo khác biệt và phối hợp phản ứng trước nội dung lan truyền nhanh.

Từ góc nhìn lý thuyết, các vấn đề tôn giáo trong không gian số không chỉ là sự mở rộng hoạt động tôn giáo truyền thống lên môi trường trực tuyến, mà còn phản ánh sự tái cấu trúc thẩm quyền tôn giáo và tác động của logic truyền thông nền tảng. Vì vậy, quản trị tôn giáo số cần được tiếp cận như một vấn đề liên ngành, kết hợp quản lý nhà nước, tự quản của tổ chức tôn giáo và trách nhiệm của các nền tảng số. Hàm ý chính sách không phải là mở rộng kiểm soát, mà là xây dựng các nguyên tắc quản trị rõ ràng, minh bạch và tương xứng.

Nghiên cứu đóng góp một cách tiếp cận thực nghiệm dựa trên truyền thông chính thức của các tổ chức tôn giáo nhằm nhận diện các vấn đề chính sách trong bối cảnh số hóa đời sống tôn giáo ở Việt Nam. Tuy vậy, do dữ liệu chỉ giới hạn ở các kênh truyền thông chính thức của Phật giáo và Công giáo, kết quả chưa phản ánh đầy đủ toàn bộ thực tiễn tôn giáo trên không gian số. Các nghiên cứu tiếp theo có thể mở rộng sang mạng xã hội, báo chí đại chúng, các cơ quan quản lý và các cộng đồng tôn giáo khác.

Lời cảm ơn

Nghiên cứu này được tài trợ bởi nhiệm vụ khoa học QG 25.79.

Tuyên bố sử dụng trí tuệ nhân tạo

Trong quá trình thực hiện nghiên cứu này, nhóm tác giả đã sử dụng công cụ trí tuệ nhân tạo tạo sinh Claude (Anthropic 2026) để hỗ trợ: i) Khám phá và tổng hợp tài liệu học thuật; ii) Thảo luận, phát triển khung lý thuyết và phân loại dữ liệu; và iii) Rà soát lỗi kỹ thuật bằng Copilot (Microsoft 2026). Toàn bộ nội dung phân tích, kết luận và khuyến nghị là kết quả của quyết định độc lập của nhóm tác giả. Nhóm tác giả đã kiểm tra, biên tập và chịu trách nhiệm về mặt học thuật đầy đủ đối với toàn bộ nội dung của bài viết.

Tài liệu tham khảo

- [1] We Are Social, Meltwater, Digital 2026: Vietnam, DataReportal – Global Digital Insights, 2026, <https://datareportal.com/reports/digital-2026-vietnam> (accessed on: May 15th, 2026).
- [2] M. T. Hanh, Online Pagoda and the Modernization of Buddhism in Contemporary Vietnamese Society, *Religious Studies*, Vol. 12, No. 138, 2014, pp. 46-59.
- [3] P. T. Hang, Identifying and Countering Illegal Religious and Belief Activities in Cyberspace, *Journal of Philosophy*, Vol. 10, No. 406, 2025, pp. 28-37.
- [4] Central Propagation Committee of the Vietnam Buddhist Sangha, Social Media and Digital Transformation in the Mission of Promoting Buddhism in the Era of the Fourth Industrial Revolution, in: *Proceedings of the Ninth National Congress of the Vietnam Buddhist Sangha*, Term 2022-2027, 2022.
- [5] Catholic Bishops' Conference of Vietnam, 2025 Pastoral Letter of the Catholic Bishops' Conference of Vietnam on the Mission of Evangelization, 2025, <https://hdgmvietnam.com/chi-tiet/thu-chung-nam-2025-cua-hoi-dong-giam-muc-viet-nam-ve-su-mang-loan-bao-tin-mung> (accessed on: May 15th, 2026).
- [6] N. G. Hung, K. T. M. Nhi, Identifying and Refuting Hostile and Misleading Views on Cyberspace Concerning Religious Freedom, *Journal of Political Theory Education*, Vol. 355, No. 5, 2023, pp. 35-38.
- [7] V. V. Phuc, T. T. T. Ha, State Management of Security and Order in the Field of Religion, *State Management Review*, Vol. 341, 2024, pp. 52-56, <https://doi.org/10.59394/qlnn.341.2024.878>.
- [8] C. D. Doan, Vietnamese Law on Religious Organizations: Current Situation and Recommendations for Improvement, *State Management Review*, Vol. 358, 2025, pp. 69-74, <https://doi.org/10.59394/qlnn.358.2025.1345>.
- [9] National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam, Law No. 02/2016/QH14: Law on Belief and Religion, Government Portal, 2016, <http://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=187900> (accessed 15 May 2026).
- [10] Government of Vietnam, Decree No. 95/2023/ND-CP Detailing A Number of Articles and Measures for the Implementation of the Law on Belief and Religion, Government Portal, 2023, <http://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=209378> (accessed on: May 15th, 2026).
- [11] National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam, Law No. 07/2026/QH16: Law on Belief and Religion, Government Portal, 2026,

- <http://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=218096&classid=1&typegroupid=3> (accessed on: May 15th, 2026).
- [12] National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam, Law No. 116/2025/QH15: Cybersecurity Law, Government Portal, 2025, <http://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=216499&classid=1&orggroupid=1> (accessed on: May 15th, 2026).
- [13] Government of Vietnam, Decree No. 174/2026/ND-CP on Administrative Sanctions in the Fields of Postal Services, Telecommunications, Radio Frequencies, Electronic Transactions and Information Technology, Government Portal, 2026, <http://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=218185&classid=1&typegroupid=4> (accessed on: May 15th, 2026).
- [14] Office of the National Assembly, Consolidated Document No. 135/VBHN-VPQH: Criminal Code, Government Portal, 2025, <http://chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=215260> (accessed on: May 15th, 2026).
- [15] National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam, Law No. 91/2025/QH15: Law on Personal Data Protection, Government Portal, 2025.
- [16] H. Campbell, Understanding the Relationship between Religion Online and Offline in a Networked Society, *Journal of the American Academy of Religion*, Vol. 80, No. 1, 2012, pp. 64-93, <https://doi.org/10.1093/jaarel/lfr074>.
- [17] S. Hjarvard, Three Forms of Mediatized Religion: Changing the Public Face of Religion, *State Religion and Church in Russia and Worldwide*, Vol. 38, No. 2, 2020, pp. 41-75, <https://doi.org/10.22394/2073-7203-2020-38-2-41-75>.
- [18] S. Hjarvard, Mediatization and the Changing Authority of Religion, *Media, Culture & Society*, Vol. 38, No. 1, 2016, pp. 8-17, <https://doi.org/10.1177/0163443715615412>.
- [19] A. Hepp, *Deep Mediatization*, Routledge, London, 2020.
- [20] R. M. Entman, Framing: Toward Clarification of a Fractured Paradigm, *Journal of Communication*, Vol. 43, No. 4, 1993, pp. 51-58, <https://doi.org/10.1111/j.1460-2466.1993.tb01304.x>.
- [21] D. A. Scheufele, Framing as a Theory of Media Effects, *Journal of Communication*, Vol. 49, No. 1, 1999, pp. 103-122, <https://doi.org/10.1111/j.1460-2466.1999.tb02784.x>.
- [22] J. Dodge, T. Metze, Approaches to Policy Framing: Deepening A Conversation Across Perspectives, *Policy Sciences*, Vol. 57, No. 2, 2024, pp. 221-256, <https://doi.org/10.1007/s11077-024-09534-9>.
- [23] Vietnam Buddhist Sangha, Circular No. 206/2020/TT-HĐTS Dated 19 September 2020 on the use of Cyberspace by Buddhist Monks and Nuns, 2020.
- [24] Dicastery for Communication, *Towards Full Presence: A Pastoral Reflection on Engagement with Social Media*, Holy See, 2023.
- [25] China Law Translate, Measures on the Administration of Internet Religious Information Services, 2021, <https://www.chinalawtranslate.com/internet-religious-information/> (accessed on: May 15th, 2026).
- [26] China Law Translate, Online Code of Conduct for Religious Professionals, 2025, <https://www.chinalawtranslate.com/clergy-code-of-conduct-online/> (accessed on: May 15th, 2026).
- [27] Singapore Statutes Online, Maintenance of Religious Harmony (Amendment) Act 2019 (No. 31 of 2019), 2019, <https://sso.agc.gov.sg/Acts-Supp/31-2019/Published/20191218170000> (accessed on: May 15th, 2026).
- [28] Ministry of Home Affairs, *Maintaining Racial and Religious Harmony*, 2026, <https://www.mha.gov.sg/what-we-do/managing-security-threats/maintaining-racial-and-religious-harmony/> (accessed on: May 15th, 2026).